

VAI TRÒ CỦA MOTIF *THIÊNG HOÁ* TRONG TRUYỀN THUYẾT NGƯỜI VIỆT

Trần Thị Len⁽¹⁾

(1) Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
Ngày nhận bài 13/9/2024; Chấp nhận đăng 14/10/2024
Liên hệ email: lentt.vhvn033@pg.hcmue.edu.vn

Tóm tắt

Motif thiêng hoá là một motif đặc thù của thể loại truyền thuyết. Motif này đánh dấu chung cục số phận của nhân vật, tạo ra một kết thúc trọn vẹn giúp xác lập niềm tin của nhân dân về cõi bất tử. Motif này cũng mang nhiều giá trị lịch sử, đặc biệt là giá trị về lòng biết ơn, sự kính ngưỡng của nhân dân đối với nhân vật anh hùng. Chính vì vậy, motif này giữ vị trí quan trọng trong hệ thống motif của thể loại truyền thuyết. Tìm hiểu về vai trò của motif thiêng hoá trong truyền thuyết người Việt, chúng tôi tập trung qua hai khía cạnh: Đối với phương thức xây dựng cốt truyện và đối với việc truyền tải những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Qua đó, bài viết mong muốn mang đến những góc nhìn mới của việc nghiên cứu motif thiêng hoá cũng như những giá trị văn hoá mà motif này mang lại.

Từ khoá: motif thiêng hoá, truyền thuyết người Việt, vai trò

Abstract

THE ROLE OF THE SANCTIFICATION MOTIF IN VIETNAMESE LEGEND

The sanctification motif is a distinctive motif of the legend genre. This motif marks the final fate of the character, creating a complete ending that helps establish the people's belief in immortality. It also carries significant historical values, especially the values of gratitude and reverence from the people toward heroic figures. Therefore, this motif holds an important position in the system of motifs within the legend genre. In exploring the role of the sanctification motif in Vietnamese legends, we focus on two aspects: its influence on plot construction and its role in conveying the traditional cultural values of the nation. Through this, the article aims to offer new perspectives on the study of the sanctification motif and the cultural values it brings.

1. Đặt vấn đề

Theo các nhà nghiên cứu văn học dân gian, quỹ motif là một hệ thống những motif làm nên đặc thù của một thể loại nhất định. Nó chỉ xuất hiện ở thể loại mà nó đảm nhận, không hoặc rất ít xuất hiện ở thể loại khác. Đối với quỹ motif trong thể loại truyền thuyết, có một số motif đặc trưng gần như chỉ thuộc về thể loại này như: *Motif sinh nở thần kỳ*, *motif chiến công phi thường*, *motif hiển linh*, *âm phù*... Riêng đối với motif thiêng hoá, đây là motif đặc thù giữ vị trí quan trọng. Motif này nhấn mạnh quá trình hoá thành những *tượng đài* của các anh hùng. Chính vì vậy, motif này mang trên mình những giá trị lịch sử, văn hoá cũng như lòng tôn kính, niềm tự hào của người dân đối với các vị anh hùng.

Đây là một trong những yếu tố đặc trưng của truyền thuyết vì nó gắn liền với việc ghi nhận và tôn vinh công lao của các nhân vật lịch sử.

2. Cơ sở lý luận

Lí thuyết nghiên cứu motif được tiến hành từ cuối thế kỷ XIX, đến đầu thế kỷ XX lý thuyết này chính thức xuất hiện trong nghiên cứu văn học do Veselovsky khởi xướng. Nguyên nhân để các nhà folklore tập trung nghiên cứu motif xuất phát từ các truyện dân gian có sự lặp lại của một yếu tố ở nhiều văn bản truyện. Kể từ đó đến nay, lý thuyết nghiên cứu motif đã có lịch sử gần 200 năm và trải qua nhiều giai đoạn. Ở mỗi giai đoạn, lý thuyết này được xây dựng, phát triển và mở rộng khác nhau như phân loại, liệt kê, phân tích cấu trúc... Cũng ở mỗi giai đoạn, lý thuyết này được đóng góp bởi nhiều nhà nghiên cứu khác nhau như: Todo Benfey, Veselovsky, Antti Aarne, Propp... Tuy nhiên, người đóng góp lớn nhất trong việc định hình hệ thống lý thuyết nghiên cứu motif phải kể đến Thompson. Ông đã tổng hợp một lượng lớn những motif của nhiều truyện trên thế giới để lập nên bảng tra cứu danh mục các motif truyện kể với tên gọi *từ điển A-T*. Tiếp đó ông cho xuất bản công trình đồ sộ về motif với tên gọi *Motif-index of folk-literature*. Công trình này được các nhà nghiên cứu đánh giá “là một trong những tài liệu tham khảo quan trọng trong nghiên cứu motif” (La Mai Thi Gia, 2018). Từ đây, lý thuyết motif trở thành vấn đề mang tầm vóc quốc tế.

Vấn đề khảo sát motif ở Việt Nam chịu ảnh hưởng các thành tựu nghiên cứu loại hình - cấu trúc của Nga từ khá sớm. Các ứng dụng lý thuyết khảo sát motif đã được giới học thuật ở nước ta tiến hành từ cuối thế kỷ XX trở về trước nhưng không được lan rộng. Bước sang thế kỷ XXI, việc khảo sát motif trở nên phổ biến, có chiều sâu với nhiều đóng góp. Nhiều công trình giá trị xuất hiện như: *Truyện kể dân gian đọc bằng type và motif* của nhà nghiên cứu Nguyễn Tấn Đắc (2001), công trình *Truyện cổ tích thần kỳ Việt đọc theo hình thái học của truyện cổ tích của Propp* (2006) của nhà nghiên cứu Đỗ Bình Trị. Công trình *Motif trong nghiên cứu truyện kể dân gian lý thuyết và ứng dụng* của nhà nghiên cứu La Mai Thi Gia (2014)... Tuy nhiên, so với các quốc gia có truyền thống nghiên cứu motif lâu đời thì các vấn đề về phương pháp và thao tác khảo sát motif ở nước ta vẫn chưa được đề xuất và hệ thống hóa một cách toàn diện. Điều đó vẫn còn những khoảng trống chưa được giải quyết một cách tường minh. Do vậy, người viết nhận thấy việc khảo sát motif vẫn rất cần từng bước tiến hành bài bản hơn, có thể đề xuất một khung đề mục khảo sát với những cách thức và thao tác khoa học, nhất là motif *thiên hoá*, một motif giúp hoàn thiện cấu trúc truyện kể cuộc đời nhân vật, tạo ra một kết thúc trọn vẹn và mang vai trò về giá trị lịch sử, văn hoá và nghệ thuật đặc sắc của dân tộc Việt.

Để nghiên cứu về vai trò của motif *thiên hoá*, người viết sử dụng một số phương pháp:

Phương pháp nghiên cứu hệ thống: vận dụng tìm ra nét nổi bật của motif *thiên hoá* trong từng câu chuyện, cũng như làm sáng rõ đặc điểm vai trò của motif *thiên hoá* trong hệ thống các thành phần cấu tạo nên tác phẩm truyền thuyết.

Phương pháp nghiên cứu loại hình lịch sử: vận dụng để làm rõ đặc điểm của thể loại truyền thuyết, cũng như tìm ra điểm tương đồng trong các motif *thiên hoá* và tìm ra loại hình nội dung lịch sử dân tộc.

Phương pháp nghiên cứu phân tích cấu trúc: vận dụng để phân tích, các đặc điểm vai trò của motif được đặt bên trong lẫn bên ngoài hệ thống chính thể của tác phẩm.

Bên cạnh những phương pháp nghiên trên, người viết cũng sử dụng kết hợp một số thao tác nghiên cứu: *thống kê, phân loại, phân tích, tổng hợp* để nhằm làm rõ cho nội dung đề tài, tăng tính thuyết phục của lập luận ở một số vấn đề.

3. Kết quả

3.1. Vai trò motif *thiên hoá* trong phương thức xây dựng cốt truyện

Vai trò của motif *thiên hoá* trong phương thức xây dựng cốt truyện được thể hiện qua ba khía cạnh đó là: Vai trò hô ứng với phần mở đầu, vai trò làm hệ quả của phần phát triển và vai trò tạo vĩ thanh cho phần kết thúc.

Biểu hiện đầu tiên, motif *thiên hoá* đóng vai trò hô ứng với phần mở đầu. Theo từ điển Hán Nôm: “Hô ứng là một khái niệm trong văn học và nghệ thuật, dùng để chỉ sự ứng hợp, phản chiếu giữa đầu và cuối hoặc giữa các yếu tố khác nhau trong một tác phẩm để tạo ra sự gắn kết giữa các phần của câu chuyện, nhằm cấu thành một tổng thể hài hòa hoặc tạo nên một hiệu ứng tổng thể mạnh mẽ hơn cho người tiếp nhận” (Nguyễn Quốc Hùng, 1971). Chiếu theo khái niệm này, hô ứng của motif *thiên hoá* trong phần mở đầu được hiểu là ứng đối giữa hai sự kiện có tính chất *thiên liêng* trong một câu chuyện. Nói rõ hơn, nếu như ở đầu truyện, nhân vật có xuất thân kỳ lạ, thì ở phần kết thúc nhân vật kết thúc cũng phải hoá đi một cách *linh thiêng* để tạo nên một sự liên mạch trong truyện. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy trong 151 truyện thì tới 126 truyện có mở đầu tạo vai trò hô ứng. Những truyện này, ở phần mở đầu sẽ xuất hiện những biểu hiện kỳ lạ của nhân vật và cuối cùng nhân vật sẽ kết thúc bằng sự ra đi một cách đặc biệt. Cụ thể như trong *Sự tích Hồng Liệt đại vương thời Hùng Vương*, phần mở đầu truyện kể về hai vợ chồng làm nghề thầy thuốc đã ngoài 50 mà chưa có con. Một đêm bà mộng thấy nuốt một ngôi sao từ trên trời rơi xuống, sau đó thọ thai rồi sinh ra một người con trai với tướng mạo khác thường: “Thần phong đỉnh dị thân thể trắng ngần, mắt sáng như sao, sau lưng có 28 nốt ruồi son xếp theo hình ngôi sao Bắc Đẩu, dưới đùi có 7 cái lông dài hơn 3 tấc” (Kiều Thu Hoạch chủ biên, 2004). Đến phần cuối truyện, khi nhận được tín hiệu từ sứ giả thiên đình ứng báo, trong sự chuyển động của trời đất, nhân vật hoá thành ngôi sao bay vụt lên không trung biến mất: “Tiếng đọc vừa dứt, thấy một ngôi sao lớn bay vào trong không vụt chốc rồi sáng ra, thời tướng quân biến mất, chỉ còn khăn áo ở lại” (Kiều Thu Hoạch chủ biên, 2004). Như vậy, nhân vật không ra đời một cách bình thường mà có sự can thiệp của thần linh, đến cuối lại được thần linh triệu hồi như một mảnh ghép hoàn chỉnh trong bức tranh xây dựng cốt truyện. Đây chính là sự hô ứng giữa phần đầu và phần cuối giúp cho câu chuyện cân xứng hài hoà. Hay trong *Sự tích Linh Công, Thủy Công, Đài Công thời Hùng Vương*, ở phần mở đầu câu chuyện kể về sự ra đời đặc biệt của nhóm nhân vật chính, với tướng mạo khác thường: “Cầm én mây ngài, mặt rồng, trán hổ, lưng có hai mươi tám điểm nổi lên như những vẩy cá” (Kiều Thu Hoạch chủ biên, 2004), đến phần kết, lần nữa những hiện tượng lạ lại xuất hiện để tương ứng với phần mở đầu: “Các ông, khái hoàn về đến sông Quảng Lăng, trời đất bỗng chuyển động, các con vật như giao long, ba ba, tôm cá lần lượt xuất hiện trên mặt nước để rước các ông trở về Thủy quốc” (Kiều Thu Hoạch chủ biên, 2004). Qua đó cho thấy, với sự ra đời ở phần mở đầu kèm theo những hiện tượng lạ, cùng với các hiện tượng *linh ứng* xuất hiện ở phần kết đã tạo nên sự hài hòa và thống nhất trong cốt truyện. Như vậy, với vai trò tạo nên sự hô ứng ở phần mở đầu, motif *thiên hoá* một mặt nhấn mạnh nguồn gốc thần thánh của anh hùng trong miền ký ức dân gian. Mặt khác, tạo nên sự mạch lạc, cân đối trong cốt truyện, dẫn đến một kết cấu vòng tròn hoàn hảo, một kết thúc trọn vẹn, ý nghĩa.

Biểu hiện kế tiếp của motif *thiên hoá* là đóng vai trò làm hệ quả của phần phát triển. Theo *Hán Việt Tự Điển*: “Hệ có nghĩa buộc, treo, chỉ cho sự tiếp tục liên quan theo một trật tự nhất định. Quả có nghĩa là kết thúc kết quả. Hệ quả là kết quả kéo theo của một sự việc có liên quan trước đó (Thiều Chửu, 2001). Từ khái niệm trên có thể hiểu: Hệ quả là kết quả của mối liên hệ với nguyên nhân được xác định dựa trên một sự diễn ra trước đó. Trong phương thức xây dựng cốt truyện, motif *thiên hoá* được hiểu là kết quả của phần phát triển cốt truyện. Đó là phần nói về hành trạng, chiến công của nhân vật. Khi những chiến công này hoàn thành sẽ là nguyên nhân để nhân vật *thiên hoá*: Nhân vật Cang Công trong *Sự tích đức Thiên Cang thời Hùng Vương* ở cuối truyện *thiên hoá* bằng cách cưỡi mây về trời có hệ quả từ bao lần chiến đấu chống lại giặc ngoại xâm từ phần phát triển. “Khi nước Văn Lang có giặc Xích Quỷ quấy nhiễu, tàn phá nhân dân, Cang Công xin vua cầm quân đi dẹp giặc. Chỉ với một trận quân giặc thua tán loạn. Sau khi chiến thắng ông cưỡi ngựa lên đỉnh núi Hoa Nham, bỗng trời đất chuyển động tối tăm, mây ngũ sắc xuất hiện đưa ông về cõi thiên” (Kiều Thu Hoạch chủ biên, 2004). Hay truyện *Tam vị Thiên Thần thời Trưng Vương* các nhân vật cưỡi ngựa cùng mây bay lên không trung hoá vào cõi bất sanh bất diệt là hệ quả ở phần phát triển của cuộc kháng chiến trường kỳ chống lại quân nhà Hán bao lần cuối nhiều... Qua đó cho thấy, một trong những vai trò motif *thiên hoá* trong phương thức xây dựng cốt truyện chính là làm phần hệ quả cho phần phát triển. Nói cách khác, với hành động và chiến công phi thường của nhân vật trong phần phát triển đã dẫn tới kết quả *thiên hoá* của các nhân vật anh hùng.

Biểu hiện cuối cùng của motif *thiên hoá* là đóng vai trò tạo vĩ thanh cho phần kết thúc. Theo *Từ điển Hán Việt* của tác giả Trần Văn Chánh: “Vĩ thanh chỉ cho những âm thanh tốt đẹp ở phần cuối, cũng chỉ cho những ấn tượng sâu cùng đọng lại của người đọc, người nghe” (Trần Văn Chánh, 2005). Chiếu theo khái niệm này vào truyện kể, vĩ thanh được hiểu là những âm thanh rục rờ, lâu dài, mãi mãi có thể gây xúc động, gợi suy nghĩ, hoặc để lại dấu ấn mạnh mẽ về các nhân vật, sự kiện trong câu chuyện. Trong phương thức xây dựng cốt truyện, motif *thiên hoá* không chỉ có vai trò hoàn thiện cấu trúc cuộc đời nhân vật, mà motif này còn đóng vai trò như một vĩ thanh bổ sung cho kết truyện, nhằm kéo dài cuộc đời nhân vật. Đặc điểm này được thể hiện đầu tiên qua sự hiển linh âm phù, tiếp tục giúp đỡ nhân dân bằng nhiều hình thức khác nhau, sau khi *thiên hoá*: Nhân vật Nguyễn Huy trong truyện *Chỉ Huy Sư Đại Tướng quân Nguyễn Huy*, ở phần cuối truyện sau khi cùng Lý Thường Kiệt đánh đuổi giặc Tống, ông theo đám mây vàng như tấm lụa bay về trời. “Ngài liền nhập ngay vào đám mây ấy, rồi bay lên, biến hoá” (Lã Duy Lan, 2001). Tuy nhiên, cuộc đời của Nguyễn Huy không khép lại khi ông *thiên hoá* về trời, mà ông vẫn tiếp tục xuất hiện vào các triều đại sau đó để hiển linh âm phù hộ quốc an dân. “Trần Quốc Tuấn, trước khi xuất quân đã làm lễ cầu đảo Ngài, về sau đã đánh tan giặc Nguyên. Đến đời Lê, Ngài lại có công hiển ứng âm phù giúp Bình Định vương Lê Lợi đánh đuổi quân Minh” (Lã Duy Lan, 2001). Hay nhân vật Vũ Cốc sau khi đánh đuổi quân nhà Minh và chém chết Liễu Thăng giúp đất nước yên bình, ông hoá về cõi thiên. Đến khi đất nước lại bị giặc Chiêm đàn áp, dưới sự cầu đảo của các quan đại thần, ông đã hiển linh báo mộng trợ giúp vua đánh thắng giặc đem lại yên bình cho đất nước (Kiều Thu Hoạch chủ biên 2004). Hay nhân vật Anh Công, Dục Công lúc sinh thời hai ông lãnh đạo binh sĩ đánh quân Thục nhiều trận, sau đó hai ông hoá làm hai con rồng bay thẳng về trời. Đến khi đất nước gặp nạn xâm lăng các ông đã bốn lần hiển linh giúp đỡ... (Kiều Thu Hoạch chủ biên 2004)... Như vậy, hầu hết các truyện kể về anh hùng đều xuất hiện đoạn “vĩ thanh” nói về sự hiển linh, hiển thánh, về công lao tiếp tục giúp dân giúp nước. Như vậy, motif *thiên hoá* với vai trò tạo vĩ thanh cho phần kết truyện qua biểu hiện hiển linh, âm phù, đã nói dài hình tượng các nhân vật qua nhiều triều đại,

để các nhân vật anh hùng sống mãi trong lòng dân chúng như một vị thần bảo hộ dân tộc, mặt khác nói lên tấm lòng luôn hướng về đất nước của các nhân vật dù ở dạng thức nào.

Một biểu hiện nữa của motif *thiên hoá* tạo vĩ thanh cho phần kết đó là tính liên văn bản trong truyền thuyết. Có nghĩa là nhân vật có motif *thiên hoá* của một văn bản truyện kể không hoàn toàn chấm dứt khi cốt truyện kết thúc, mà nhân vật ấy vẫn xuất hiện ở văn bản khác xung quanh truyền thuyết thông qua nhiều hình thức khác nhau như báo mộng nhắc nhở, phù hộ độ trì, âm phù trợ giúp... Nhân vật Hùng Tuệ lần đầu xuất hiện ở văn bản truyện *Sự tích Nam Hải Đại Vương và Đông Hải Đại Vương Nguyễn Phục* sau khi lập chiến công, ông *thiên hoá* bằng cách “biến thành con rắn xanh dài hơn thước, rẽ nước mở đường mà tự hóa” (Kiều Thu Hoạch chủ biên, 2024). Lần thứ hai ông xuất hiện ở văn bản truyện thời Lê với dưới dạng hiển linh trong *Sự tích Đô Lâm đại vương* khi được Đô Lâm làm lễ mật đảo: “Ông thấy tình thế không có lợi, mới mang binh mã trở về Cao Mại, làm lễ mật cầu Hùng Tuệ Đại vương và Nguyễn Phục Đại vương tại miếu, bỗng thấy Nhị vị Đại vương hiển linh bảo Tướng quân rằng...” (Kiều Thu Hoạch chủ biên, 2024). Hay nhân vật Thiên Bồng lần đầu xuất hiện trong văn bản truyện *Sự tích sáu vị Thần tướng thời Hùng Duệ Vương đánh giặc Nam Chiếu và giặc Thục*, sau khi lập chiến công “ông băng lên đỉnh núi ngồi hồi lâu, rồi bay lên trời mà biến” (Kiều Thu Hoạch chủ biên, 2024). Đến đời Lê nhân vật lại xuất hiện trong truyện *Cao Nha* dưới dạng thức báo mộng: “Một hôm có viên chủ tướng hành quân qua miếu vào làm lễ mật đảo, đêm chiêm bao thấy một vị đầu đội mũ hoa tự xưng danh: Ta là danh tướng triều Hùng, nay thấy vua Lê khởi nghĩa đánh giặc xâm lăng, ta nguyện tòng trình trợ chiến” (Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo, 2004). Như vậy, với vai trò tạo vĩ thanh cho phần kết thúc, motif *thiên hoá* đã tạo cho kết truyện một âm vang vang mãi, nó đưa tính thiêng của nhân vật lên cấp độ cao hơn. Nhân vật dù ở không gian khác, hình thức khác nhưng vẫn trực tiếp tham dự vào những trận chiến, hay giúp đỡ nhân dân khi họ cần. Điều đó cho thấy, các nhân vật anh hùng vẫn tồn tại, như sự hiện hữu của non sông đất nước ngàn đời. Bên cạnh đó, với vai trò tạo vĩ thanh ở phần kết truyện, motif *thiên hoá* còn giúp cho nội dung câu chuyện trở lên ý nghĩa. Các nhân vật không chỉ được ghi nhận trong lịch sử mà còn trở thành những biểu tượng, góp phần làm phong phú và đa dạng truyền thống văn hóa Việt Nam.

3.2. Vai trò của motif *thiên hoá* trong việc lan toả giá trị văn hóa truyền thống

Lan toả các giá trị văn hóa truyền thống là quá trình bảo tồn, phổ biến những giá trị, phong tục, tập quán, di sản văn hóa của dân tộc ra nhiều người hoặc nhiều nơi khác nhau. Việc lan toả này nhằm đảm bảo rằng các giá trị văn hóa truyền thống không chỉ được duy trì, tiếp nối, mà còn được phát huy bởi những thế hệ kế tiếp. Ở motif *thiên hoá* trong việc lan toả giá trị văn hóa truyền thống chủ yếu nhằm giúp các thế hệ sau nhận thức rõ hơn về cội nguồn, lòng tự hào dân tộc và công lao của những vị anh hùng đã ngã xuống để bảo vệ cho quê hương.

Biểu hiện đầu tiên của motif *thiên hoá* trong vai trò truyền tải những giá trị văn hóa truyền thống đó là kết nối giữa quá khứ và hiện tại qua việc sắc phong thần và tín ngưỡng thờ cúng Thành hoàng làng. Đây là một trong những tục lệ đối với những người có công lớn với đất nước. Trong tâm thức dân gian người Việt, họ quan niệm những người lúc sống có công với tổ quốc, khi hoá sẽ được nhà vua ban chiếu, sắc phong thành thần, đồng thời được dân làng tôn kính, thờ phụng, lễ bái quanh năm. Theo nhà nghiên cứu Trần Ngọc Thêm: “Được phong thần là những vị có tên tuổi, tước vị rõ ràng, đó là những người có công lập ra làng xã, những anh hùng dân tộc liên quan đến làng, được vua thừa nhận” (Trần Ngọc Thêm, 1999). Người Việt thường gọi các vị thần này là Thành hoàng làng. Tục lệ sắc phong thần và tín ngưỡng thờ cúng Thành hoàng làng được tái hiện rất

rõ ở đoạn kết của truyện sau khi nhân vật “thiên hoá”: Truyện *Hai anh em Thiện Quang thời Hùng Vương*, khi đã đánh đuổi được quân Thục ra khỏi bờ cõi nước Việt, hai anh em Thiện, Quang “hóa làm hai con giao long xuống sông biển mất” (Kiều Thu Hoạch chủ biên 2004). Để nhớ ơn công lao đã hết mình cho nền độc lập của dân tộc, vua Hùng Duệ Vương đã sắc phong thần cho hai ông là “Hương thiện Ninh quốc Đại vương và Đạo quang Vĩnh an Đại vương, ban cho dân xã Thanh Sâm được phụng thờ hương hỏa” (Kiều Thu Hoạch chủ biên, 2024). Việc thờ cúng Thành hoàng của nhân dân làng Thanh Sâm không chỉ diễn ra vào đời vua Hùng mà luôn được gìn giữ và tiếp nối qua các triều đại: “Khi họ Thục làm vua lại truy phong hai vị là Hương thiện Ninh quốc An dân Hùng tài Đại lược Đại vương và Đạo quang Vĩnh an Hộ quốc Ninh dân Quả quyết Đại vương” (Kiều Thu Hoạch chủ biên 2004). Hay nhân vật Mộc Hoàn trong truyện *Mộc Hoàn thời vua Trưng* sau khi đánh đuổi giặc Tô Định ông hoá thành tấm lụa điều bay lên không biển mất, vua Trưng nhớ công lao của ông đã “cho dân làng Đa Cúc vàng bạc để lập đền thờ, lại viết họ tên ngài truyền cho dân làng ấy thờ cúng, hương hỏa lưu truyền ngàn vạn đời... Đến đời Đinh vua Đinh phong cho làm thần tiếp tục nhang đèn hương khói phụng thờ. Đến đời vua Lê Trang Tông, vua phong là Vạn cổ Phúc thần thờ cúng mãi mãi vô cùng” (Kiều Thu Hoạch chủ biên, 2004)...

Như vậy, sau khi lập những chiến công đem lại bình yên cho non sông đất nước, các nhân vật anh hùng *thiên hoá*, được vua nhớ ơn sắc phong thần và được dân làng thờ cúng. Việc sắc phong người có công với làng trở thành một trong những mỹ tục dân gian chứa đựng nhiều giá trị văn hóa, đạo đức cao đẹp của dân tộc. Nó thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn, cũng lan tỏa các giá trị văn hóa truyền thống đến nhiều thế hệ.

Không những sắc phong thần, lập đền miếu hương khói phụng thờ motif *thiên hoá* còn truyền tải những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc thông qua các lễ hội thờ cúng hàng năm. Đây là một hoạt động tinh thần của nhân dân nhằm bảo lưu các giá trị văn hoá đặc sắc của dân tộc, nó như một bảo tàng lịch sử sống động trưng bày những phong tục phong tục, tập quán, cùng những văn hoá đặc thù của người dân Việt. Bên cạnh đó lễ hội còn là dịp để nhân dân thấp nén hương lòng nhớ tưởng niệm đến các vị thánh, các vị anh hùng đã hi sinh cho sự nghiệp bảo vệ mảnh đất của cha ông. Thông qua các hoạt động thờ cúng và lễ hội, người Việt không chỉ thể hiện lòng biết ơn đối với các anh hùng dân tộc mà còn duy trì kết nối, đoàn kết cộng đồng, nhắc nhở mọi người về nguồn gốc chung của dân tộc: Lễ hội Đền Hùng ở Phú Thọ tưởng nhớ các vị Vua Hùng. Hàng năm vào ngày mùng 10 tháng 3, người dân từ khắp nơi trên cả nước hành hương về Đền Hùng để dâng hương, tưởng niệm và tri ân công lao của các vị tổ tiên. Lễ hội đền Hai Bà Trưng ở Mê Linh, để tưởng nhớ hai nữ anh hùng đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống lại ách đô hộ của nhà Hán. Lễ hội này có nhiều hoạt động văn hóa, nghi lễ truyền thống và diễn xướng lịch sử để nhắc nhở thế hệ sau về những người nữ anh hùng đầy nghị lực phát cờ khởi nghĩa (Kiều Thu Hoạch chủ biên 2004). Hay lễ hội đền Thiệu Hoa công chúa để tưởng nhớ và tôn vinh công lao nữ tướng Thiệu Hoa “Ngày hội làng bao giờ cũng có các trò chơi đá cầu, đánh phết. Đó là vì xưa kia, bà vẫn hay may vá cho quân sĩ và cùng họ vui chơi sau những giờ tập luyện” (Lã Duy Lan, 2001)... Những lễ hội này không chỉ là dịp để tưởng nhớ và tri ân các anh hùng dân tộc mà còn có giá trị văn hóa mà mang ý nghĩa tâm linh sâu sắc. Trong tâm thức người Việt, việc các anh hùng dân tộc *thiên hoá* được mở lễ hội và thờ cúng không chỉ là để tưởng nhớ công lao của họ mà còn để cầu mong sự phù hộ, bảo trợ từ các thế lực siêu nhiên. Điều này phản ánh niềm tin vào sự kết nối giữa thế giới hiện tại và thế giới tâm linh, nơi mà những người đã đi về cõi thiên vẫn có thể ảnh hưởng và bảo vệ cho dân tộc. Hơn nữa, sự *thiên hoá* cũng đóng vai trò như một cách để duy trì và phát triển lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc. Khi người

Việt thờ cúng các anh hùng đã được *thiên hóa*, họ không chỉ thờ cúng một nhân vật lịch sử mà còn thờ cúng chính tinh thần dân tộc, lòng dũng cảm và sự hi sinh của tổ tiên. Điều này giúp củng cố và lan tỏa ý thức tự hào dân tộc, lòng yêu nước và sự biết ơn đối với những giá trị truyền thống.

Như vậy, tổ chức lễ hội kỷ niệm ngày nhân vật thiên hoá đã thể hiện sự giao lưu tiếp nối của nhiều thế hệ. Nó nói lên tấm lòng thành kính tri ân của nhân dân đến các nhân vật anh hùng, đồng thời cũng nhắc nhở cho các thế hệ sau biết về lịch sử huy hoàng của thế hệ cha ông. Qua đó, nhân dân không chỉ nhớ lại những công lao to lớn cùng những chiến công hiển hách của nhân vật anh hùng, mà nó còn cả niềm tin kính ngưỡng kéo dài sau đó. Như vậy, các đền thờ, lễ hội khắp đất nước là minh chứng cho sự hiện diện vai trò của motif *thiên hoá* trong đời sống văn hóa của người Việt. Điều này đã tạo nên một nét đặc trưng riêng biệt cũng mở ra con đường để người đọc tìm về các giá trị nhân văn, thấm mĩ trong đời sống tinh thần người xưa cách nay hàng trăm thế kỉ vốn tưởng chừng đã dần trôi vào quên lãng trước trong dòng chảy miên viễn của thời gian.

Biểu hiện cuối cùng của motif *thiên hoá* trong vai trò truyền tải những giá trị văn hóa truyền thống được thể hiện qua việc xác lập niềm tin và sự ngưỡng vọng đối với nhân vật anh hùng thiên hoá. Đây là đặc trưng quan trọng của thể loại truyền thuyết, là một trong những chất liệu để truyền thuyết tồn tại. Với niềm tin “sinh vi tướng, tử vi thần”, người dân luôn tin rằng các vị anh hùng khi còn sống họ là các vị tướng lãnh đạo, dẫn dắt quân đội bảo vệ Tổ quốc, khi qua đời, họ hoá thánh, được người dân tôn thờ như thần linh, tiếp tục che chở cho dân tộc. Vì vậy, với những người dân, các nhân vật anh hùng vẫn mãi tồn tại, trở thành những biểu tượng thiêng liêng. Nhân vật Cả Lạn trong *Truyện Cái Khiên* ở trận đánh cuối cùng đã “hóa thành một hòn núi lớn sừng sững giữa trời. Hòn núi ấy có dáng hình người” (Kiều Thu Hoạch chủ biên, 2004). Nhân vật trong truyện *Nàng Vú Thúng*, đã “hóa thành một dãy núi lớn.” (Kiều Thu Hoạch chủ biên, 2004). Hay nhân vật Càng Công, nhân vật Tản Viên Sơn Thánh... tất cả không hoá một cách bình thường, mà hoá thành những ngọn núi thiêng sừng sững bất tử.

Trong dòng chảy truyền thuyết người Việt, hình tượng thánh Gióng mang tính chất kỳ vĩ nổi bật về những anh hùng trận mạc của thời kỳ dựng nước, đặc biệt là niềm tin và sự ngưỡng vọng của dân ta đối với nhân vật. Dưới niềm tin của những người dân Việt, sức mạnh phi thường tạo ra những chiến công oanh liệt của thánh Gióng luôn bất diệt. Gióng không mất đi mà bay về trời, đặc biệt khi đất nước cần Gióng lại xuất hiện để gia trì phù hộ. So với truyền thuyết anh hùng của các dân tộc khác, Gióng thực sự là một bản anh hùng ca vang mãi trong lòng người dân Việt. Với niềm tin và sự ngưỡng vọng của dân gian, cậu bé không lồ giết giặc Ân cứu nước đã được *thần thánh hoá* thành vị Phù Đổng thiên vương. Hàng loạt đền thờ, hay những dấu tích Gióng đi qua đều được nhân dân lập đền thờ, lưu giữ cho thế hệ con cháu mai sau biết về một anh hùng với chiến công oanh liệt... Hay các nhân vật anh hùng như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Lê Lợi, Trưng Trắc, Trưng Nhị... đi vào tâm thức nhân dân một cách hiển nhiên, sống bền bỉ trong những tiềm thức ấy và trở thành biểu tượng sáng rõ xuyên suốt nhiều thời đại. Như vậy, qua việc xác lập niềm tin và sự ngưỡng vọng của nhân dân đối với nhân vật anh hùng, motif *thiên hoá* đã thành công trong việc lan tỏa giá trị văn hóa truyền thống đến nhiều thế hệ. Chính bởi niềm tin mãnh liệt, các tác giả dân gian để cho các nhân vật anh hùng hoá thánh, trở thành bất tử và luôn hiện hữu tồn tại trong đời sống văn hoá tâm linh của những người dân Việt.

4. Kết luận

Như vậy, trong truyền thuyết dân gian người Việt, motif *thiên hoá* giữ hai vai trò chính đó là vai trò trong phương thức xây dựng cốt truyện và vai trò việc truyền tải những giá trị văn hóa truyền thống. Ở vai trò trong phương thức xây dựng cốt truyện, motif *thiên hoá* đã đóng vai trò hô ứng với phần mở đầu, vai trò làm hệ quả cho phần cốt truyện, và vai trò tạo vĩ thanh cho phần kết thúc. Ở vai trò việc truyền tải những giá trị văn hóa truyền thống, motif *thiên hoá* thể hiện ở việc kết nối giữa quá khứ và hiện tại qua việc sắc phong thần và tín ngưỡng thờ cúng Thành Hoàng làng. Việc bảo lưu các lễ hội truyền thống và việc xác lập niềm tin, sự ngưỡng vọng của nhân dân đối với nhân vật anh hùng “thiên hoá”. Mặc dù ở mỗi vai trò motif *thiên hoá* có những đặc điểm riêng, nhưng tất cả đều hướng tới lòng biết ơn, sự kính ngưỡng đối với những người anh hùng đã “trở về” sau khi hoàn thành trọng trách giúp dân, giúp nước. Qua đó cho thấy, những câu chuyện có motif *thiên hoá* trong truyền thuyết, không chỉ thể hiện lòng yêu nước, lòng biết ơn, mà còn là những bài học về sự kiên cường, tinh thần cộng đồng và sự gắn kết giữa con người với với tổ tiên. Nhờ vậy, văn hóa và truyền thống dân tộc luôn được bảo tồn và tiếp nối qua nhiều thế hệ, không những hôm qua, hôm nay mà còn mãi mãi về sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Kiều Thu Hoạch (Chủ biên) (2004). *Tổng tập văn học dân gian người Việt* tập 4. NXB Khoa học Xã hội.
- [2] Lã Duy Lan (2001). *Truyền thuyết Việt Nam*. NXB Văn hoá - Dân tộc.
- [3] La Mai Thi Gia (2018). *Motif trong nghiên cứu truyện kể dân gian lý thuyết và ứng dụng*. NXB Văn hóa – Văn Nghệ.
- [4] Nguyễn Quốc Hùng (1971). *Hán Việt tân từ điển*. NXB Khai Trí.
- [5] Thiều Chửu (2005). *Từ điển Hán Việt*. NXB Trẻ.
- [6] Trần Ngọc Thêm (1997). *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. NXB Giáo dục.
- [7] Trần Văn Chánh (2004) *Từ điển Hán Việt Hán Ngữ hiện đại và cổ đại*. NXB Trẻ
- [8] Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo (2004). *Việt Nam kho tàng dã sử*. NXB Văn Hoá Thông Tin